

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Căn cứ Hồ sơ Hòa giải số: 06/2021/HS-HG ngày 09/7/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

- *Người khởi kiện:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (sau đây viết tắt là “L”);
Địa chỉ Trụ sở chính: Số 109, đường Tr, phường C, quận H, Thành Phố Hà Nội;

Người Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám Đốc;

Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Mạnh H - Chức vụ: Giám đốc L chi nhánh Phú Thọ, theo văn bản số: 6650/2017/QĐ TGD ngày 20/6/2017;

Người Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Triệu Thanh T – Giám đốc Phòng Giao dịch T, theo văn bản ủy quyền số 291/2020/QĐ – LPB.PT ngày 02/11/2020;

Địa chỉ: Khu 5B, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- *Người Bị kiện:* Bà Phùng Thị B1, sinh năm 1967;
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Văn B2, sinh năm 1969;
Người đại diện theo ủy quyền của ông B2: Bà Phùng Thị B1, sinh năm 1967 (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2021).

Đều ở địa chỉ: xóm V, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ các điều: 32, 33, 34 của Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, và các bên đều có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

QUYẾT ĐỊNH:

- 1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Ngày 22/3/2018, bà Phùng Thị B1 cùng người đồng trách nhiệm là ông Hà Văn B2 và Ngân hàng B Chi nhánh Phú Thọ (sau khi viết tắt là Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: HĐTD2902018350 với nội dung chính: Ngân hàng cho bà B1 vay số tiền là 164.000.000đ (*một trăm sáu mươi tư triệu đồng*); thời hạn cho vay: 05 năm (từ ngày 23/3/2018 đến ngày 22/3/2023); lãi suất: trong hạn: 12%/1 năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.
 - Ngày 25/10/2019, bà B1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do quá hạn lần thứ nhất, và sau đó bà B1 đã không trả nợ gốc, lãi khi đến hạn cho Ngân hàng. Ông B2 cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã thông báo cho bà B1 về việc Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng sớm với bà B1 và thu hồi nợ trước hạn đối với bà B1.
 - Đến ngày 18/5/2021, bà B1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 85.992.022đ, trong đó: Nợ gốc: 78.750.000đ (trong đó nợ gốc quá hạn là 19.250.000đ); Nợ lãi trong hạn: 5.748.837đ; Lãi phạt gốc quá hạn: 1.283.342đ; Lãi phạt lãi quá hạn: 209.843đ.
 - ***Nay các bên thống nhất phương án trả nợ như sau:*** Bà Phùng Thị B1 và ông Hà Văn B2 phải trả toàn bộ số tiền 85.992.022đ (*tám mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai nghìn không trăm hai mươi hai đồng*) cho Ngân hàng vào các ngày: 30/9/2021 và 30/11/2021, cụ thể như sau:
 - + Ngày 30/9/2021 bà B1 và ông B2 phải trả cho Ngân hàng số tiền là: 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*);
 - + Ngày 30/11/2021 bà B1 và ông B2 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn lại là: 45.992.022đ (*bốn mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai nghìn không trăm hai mươi hai đồng*);
 - + Trong trường hợp khi đến hạn của từng lần thanh toán (ngày 30/9/2021 đối với số tiền 40.000.000đ, ngày 30/11/2021 đối với số tiền 45.992.022đ) mà bà B1 chưa trả được số tiền trên cho Ngân hàng, mà Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ngoài số tiền phải trả bà B1 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong Hợp đồng tín dụng.
2. **Về chi phí hòa giải:** Các bên không phải chịu chi phí Hòa giải.
 3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.
 4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- Hòa giải viên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THÂM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

